

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Ban Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Trí Vỹ	Chủ tịch
Ông Nghiêm Công Hạo	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2012)
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Bà Nguyễn Linh Chi	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên
Bà Ngô Thu Mật	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012)
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012)

Ban Giám đốc điều hành

Ông Dương Khánh Nam	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Ban Giám đốc điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc điều hành,


Dương Khánh Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Số: 168 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 03 năm 2013, từ trang 5 đến trang 30. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc điều hành và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc điều hành tại trang 2, Ban Giám đốc điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc điều hành, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay vì đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc tới các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã vốn hóa toàn bộ chi phí trước hoạt động của khu khách sạn 13 tầng phát sinh lũy kể đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 của các hạng mục công trình hiện còn đang xây dựng dở dang vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình (VAS 04), khoản chi phí này phải hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Công văn số 392/TC-TCĐN ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Bộ Tài chính, Công ty được phép vốn hóa các chi phí trước hoạt động này vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm kể từ khi công trình khách sạn 13 tầng được đưa vào hoạt động. Giá trị các khoản chi phí trước hoạt động của khách sạn 13 tầng được vốn hóa vào chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 4.210.007 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 4.046.467 USD).

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Cuộc kiểm toán của chúng tôi được tiến hành cho mục đích trình bày ý kiến về báo cáo tài chính theo luật định một cách tổng thể. Các thông tin bổ sung trong Phụ lục báo cáo tài chính từ trang 31 đến trang 56 nhằm cung cấp thông tin sử dụng trong nội bộ của Công ty và không phải là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính theo luật định. Ban Giám đốc điều hành Công ty có trách nhiệm về những thông tin này. Những thông tin bổ sung này không thuộc đối tượng của các thủ tục kiểm toán mà chúng tôi áp dụng trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính theo luật định, và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về các thông tin bổ sung này.



Hoàng Nam - TP. Hà Nội
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tào Hải Nhân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1576/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN
 Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		5.781.166	7.136.016
I. Tiền	110	5	194.663	1.530.393
1. Tiền	111		194.663	1.530.393
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.765.550	4.646.292
1. Phải thu khách hàng	131	6	3.595.878	2.615.341
2. Trả trước cho người bán	132		1.361.391	2.115.854
3. Các khoản phải thu khác	135		5.983	21.727
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(197.702)	(106.630)
III. Hàng tồn kho	140	7	791.846	896.346
1. Hàng tồn kho	141		855.993	928.394
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(64.147)	(32.048)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.107	62.985
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		25.337	47.424
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.770	15.561
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		56.298.888	54.323.980
I. Tài sản cố định	220		49.533.558	47.709.606
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	17.766.394	18.494.286
- Nguyên giá	222		26.356.788	25.973.283
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.590.394)	(7.478.997)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	2.103.861	2.364.299
- Nguyên giá	228		4.727.697	4.725.995
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.623.836)	(2.361.696)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	29.663.303	26.851.021
II. Bất động sản đầu tư	240	11	1.793.277	1.853.185
- Nguyên giá	241		2.099.206	2.099.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(305.929)	(246.021)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		419.411	419.411
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	419.411	419.411
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.552.642	4.341.778
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	4.449.779	4.315.120
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		102.863	26.658
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		62.080.054	61.459.996

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		11.909.855	11.692.966
I. Nợ ngắn hạn	310		10.915.578	10.094.108
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	4.921.614	6.442.418
2. Phải trả người bán	312		2.898.103	1.655.056
3. Người mua trả tiền trước	313		4.342	6.728
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.045.566	858.632
5. Phải trả người lao động	315		251.950	376.913
6. Chi phí phải trả	316		41.093	232.524
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		752.910	521.837
II. Nợ dài hạn	330		994.277	1.598.858
1. Phải trả dài hạn khác	333		119.325	122.329
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	633.737	1.236.437
3. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		213.749	195.425
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		27.466	44.667
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410)	400		50.170.199	49.767.030
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	50.170.199	49.767.030
1. Vốn điều lệ	411		42.309.870	41.326.199
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.027.169	5.027.169
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		649.326	592.029
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.183.834	2.821.633
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		62.080.054	61.459.996



Cao Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng



Dương Khánh Nam
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10.486.100	9.414.901
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.152.702	1.081.308
Chiết khấu bán hàng	05		93.164	52.352
Thuế tiêu thụ đặc biệt	08		1.059.538	1.028.956
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	9.333.398	8.333.593
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	5.018.136	4.158.068
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	18	4.315.262	4.175.525
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	92.890	974.444
7. Chi phí tài chính	22		721.111	922.599
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		694.877	749.094
8. Chi phí bán hàng	24		779.910	694.036
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.126.930	1.798.842
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		780.201	1.734.492
11. Thu nhập khác	31		91.412	166.848
12. Chi phí khác	32		249.269	333.497
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(157.857)	(166.649)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		622.344	1.567.843
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	274.802	417.075
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	20	(76.205)	4.815
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		423.747	1.145.953
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	0,010	0,027


Cao Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 26 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng


Đương Khánh Nam
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	622.344	1.567.843
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.392.106	1.412.384
Các khoản dự phòng	03	123.171	(19.261)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	4.632	(359.831)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	942	50.196
Chi phí lãi vay	06	694.877	749.094
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.838.072	3.400.425
Thay đổi các khoản phải thu	09	(210.330)	1.778.353
Thay đổi hàng tồn kho	10	72.401	229.917
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.262.493	(661.408)
Thay đổi chi phí trả trước	12	33.878	57.482
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.106.424)	(1.164.527)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(271.735)	(512.544)
Tiền (chi) khác cho hoạt động kinh doanh	16	(58.487)	(23.094)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.559.868	3.104.604
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.752.788)	(3.384.084)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22	3.494	4.389
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.749.294)	(3.379.695)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.814.720	11.099.454
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.956.392)	(11.083.286)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.141.672)	16.168
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.331.098)	(258.923)
Tiền đầu năm	60	1.530.393	1.429.485
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.632)	359.831
Tiền cuối năm	70	194.663	1.530.393

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 2.537.522 USD (2011: 1.431.942 USD) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 1.353.405 USD (2011: 1.970.791 USD) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính trong năm không bao gồm giao dịch trả cổ tức bằng cổ phiếu với tổng số tiền là 983.671 USD.

Cao Thị Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng

Đương Khánh Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953/CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Ngày 28 tháng 01 năm 2008, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/GCNĐC3/22/1 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 410.319.760.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 41.031.976 cổ phần.

Ngày 01 tháng 7 năm 2008, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký lại số 221.032.000.118 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2005.

Ngày 30 tháng 10 năm 2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 1 số 221.032.000.118 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 514.381.130.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 51.438.113 cổ phần.

Ngày 30 tháng 6 năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 2 số 221.032.000.118 về thay đổi vốn của cổ đông sáng lập.

Ngày 22 tháng 9 năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 3 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 565.814.070.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 56.581.407 cổ phần.

Ngày 18 tháng 1 năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 4 số 221.032.000.118. Theo đó, Đại diện Công ty là Ông Dương Khánh Nam, người Đại Loan, Chức vụ Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)**

Ngày 22 tháng 11 năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 5 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 650.673.890.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 65.067.389 cổ phần.

Ngày 13 tháng 3 năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 6 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 683.199.650.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 68.319.965 cổ phần.

Ngày 30 tháng 10 năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 7 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 703.687.540.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 70.368.754 cổ phần.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.171 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.006 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 355/TC-CĐKT ngày 13 tháng 11 năm 2000. Ban Giám đốc điều hành Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là khoảng 5 triệu USD, sự thiếu hụt vốn lưu động này dẫn đến sự nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc đạt được lợi nhuận từ hoạt động trong tương lai và việc chấp nhận giải ngân của các tổ chức tín dụng. Ban Giám đốc điều hành đã có kế hoạch dòng tiền cho năm tài chính 2013 và tháng 01 năm 2013 Công ty đã ký hợp đồng tín dụng trung hạn và dài hạn mới với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân hạn mức cho vay là 100 tỷ VND và hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn với mức cho vay là 40 tỷ VND. Do đó, Ban Giám đốc điều hành Công ty lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục của kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc điều hành đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi (Tiếp theo)**

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên thời gian từ khi bắt đầu cho nợ, cụ thể như sau:

Thời gian nợ (tháng)	Tỷ lệ dự phòng (%)
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng tại một thời điểm không vượt quá 9 triệu USD, các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
Hàng giải khát
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
Bình quân gia quyền
Giá đích danh
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được dùng trong hoạt động kinh doanh của Công ty, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất; 8 ha bãi cát bờ biển và 10,8 ha mặt nước tiếp giáp bờ biển tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 08 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 35 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm: Giá trị còn lại của các khoản chi phí trước hoạt động, giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ. Chi phí trước hoạt động là các khoản chi phí như: Chi phí thành lập, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trước khi dự án của Công ty đi vào hoạt động kinh doanh.

- Chi phí trước hoạt động: Công ty đã thực hiện chính sách phân bổ chi phí trước hoạt động theo hướng dẫn tại Công văn số 392/TC-TCĐN ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:
 - + Chi phí trước hoạt động của Công ty sẽ được phân bổ cho từng hạng mục công trình căn cứ trên cơ sở tỷ lệ vốn đầu tư của mỗi công trình trong tổng số vốn đầu tư của Công ty. Đối với những công trình chưa hoàn thành và chưa đưa vào sử dụng thì chưa phân bổ chi phí trước hoạt động tương ứng. Theo đó, Công ty chưa bắt đầu thực hiện phân bổ chi phí trước hoạt động liên quan đến hạng mục khách sạn 13 tầng vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm do tại thời điểm này công trình khách sạn chưa được hoàn thành.
 - + Chi phí trước hoạt động của các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thì được tiếp tục phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian ba (03) năm kể từ khi bắt đầu đưa công trình vào sử dụng.
- Công cụ, dụng cụ liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh được phân bổ trong thời gian từ 2-3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	USD	USD
Tiền mặt	132.127	619.812
Tiền gửi ngân hàng	59.235	908.887
Tiền đang chuyển	3.301	1.694
	<u>194.663</u>	<u>1.530.393</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	USD	USD
Phải thu khách chơi tại CLB Quốc tế Hoàng Gia (i)	3.053.933	2.305.748
Phải thu các hoạt động kinh doanh khác	541.945	309.593
	<u>3.595.878</u>	<u>2.615.341</u>

- (i) Đây là các khoản nợ phải thu khách chơi tại câu lạc bộ, chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được trình bày tại Thuyết minh số 4.

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	USD	USD
Nguyên liệu, vật liệu	647.641	724.904
Hàng hóa	208.352	203.490
	<u>855.993</u>	<u>928.394</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(64.147)	(32.048)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>791.846</u>	<u>896.346</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	19.401.584	4.791.215	648.422	665.993	466.069	25.973.283
Tăng do mua sắm	-	66.959	-	22.038	-	88.997
Tăng từ XDCB hoàn thành	360.706	-	-	-	-	360.706
Thanh lý trong năm	-	14.040	32.136	20.022	-	66.198
Tại ngày 31/12/2012	19.762.290	4.844.134	616.286	668.009	466.069	26.356.788
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	3.764.775	2.382.776	446.922	581.457	303.067	7.478.997
Khấu hao trong năm	555.197	456.324	63.135	39.184	59.318	1.173.158
Thanh lý trong năm	-	10.137	32.136	19.488	-	61.761
Tại ngày 31/12/2012	4.319.972	2.828.963	477.921	601.153	362.385	8.590.394
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	<u>15.442.318</u>	<u>2.015.171</u>	<u>138.365</u>	<u>66.856</u>	<u>103.684</u>	<u>17.766.394</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>15.636.809</u>	<u>2.408.439</u>	<u>201.500</u>	<u>84.536</u>	<u>163.002</u>	<u>18.494.286</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

Trong số nhà cửa và máy móc, thiết bị có một số nhà cửa và máy móc, thiết bị tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 362.622 USD (31 tháng 12 năm 2011: 154.731 USD).

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 13.722.767 USD (31 tháng 12 năm 2011: 11.879.984 USD) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và thiết bị văn phòng bao gồm các phương tiện, thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.279.210 USD (31 tháng 12 năm 2011: 1.134.663 USD).

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm kế toán USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	4.650.000	75.995	4.725.995
Tăng trong năm	-	1.702	1.702
Tại ngày 31/12/2012	4.650.000	77.697	4.727.697
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	2.322.248	39.448	2.361.696
Khấu hao trong năm	251.649	10.491	262.140
Tại ngày 31/12/2012	2.573.897	49.939	2.623.836
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	2.076.103	27.758	2.103.861
Tại ngày 31/12/2011	2.327.752	36.547	2.364.299

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Văn phòng hậu cần	-	-
Cầu lạc bộ	97.649	98.852
Khách sạn 13 tầng (i)	28.555.617	25.742.132
Khu công viên	1.010.037	1.010.037
	29.663.303	26.851.021

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp ngân hàng công trình xây dựng dở dang này với giá trị tại ngày 31/12/2012 là 13.465.815 USD. Chi phí lãi vay vốn hóa vào công trình khách sạn 13 tầng trong năm là 286.171 USD (2011: 474.350 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Bất động sản đầu tư	Tổng
	USD	USD
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	2.099.206	2.099.206
Tại ngày 31/12/2012	2.099.206	2.099.206
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	246.021	246.021
Khấu hao trong năm	59.908	59.908
Tại ngày 31/12/2012	305.929	305.929
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2012	1.793.277	1.793.277
Tại ngày 31/12/2011	1.853.185	1.853.185

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do chưa có nguồn thông tin tin cậy nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác là giá trị khoản tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, tương ứng với 5% vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, không có giá thị trường tin cậy để xem xét trích lập dự phòng giảm giá. Tuy nhiên, Ban Giám đốc điều hành tin tưởng rằng không có khoản giảm giá trị đáng kể nào ảnh hưởng tới khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Sửa chữa lớn tài sản cố định	68.594	120.307
Công cụ, dụng cụ	171.178	148.346
Chi phí trước hoạt động - khách sạn 13 tầng (i)	4.210.007	4.046.467
	4.449.779	4.315.120

- (i) Như được trình bày tại Thuyết minh số 4, chi phí trước hoạt động phát sinh trong quá trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn để vốn hóa vào giá trị xây dựng của khách sạn 13 tầng. Chi phí trước hoạt động này sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi khách sạn này được hoàn thành và đưa vào hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khách sạn này chưa được đưa vào hoạt động.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	1.432.170	1.400.645
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	1.440.945	1.439.419
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	-	119.037
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (iii)	945.146	959.524
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (iv)	500.000	570.000
Ngân hàng Thương Hải	-	1.200.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	603.353	753.793
	4.921.614	6.442.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 40 tỷ VND và đảm bảo tại mọi thời điểm tổng số dư dưới các hình thức cấp tín dụng (cho vay, bảo lãnh, mở L/C, hình thức cấp tín dụng khác) của Công ty tại ngân hàng không vượt quá giới hạn tín dụng là 168.892.000.000 VND. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng được gia hạn đến ngày 30 tháng 06 năm 2013. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 16 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 30 tỷ VND. Khoản vay này có lãi suất áp dụng theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ cho từng giấy nhận nợ và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng hết hạn vào ngày 05 tháng 11 năm 2013. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng là 25 tỷ VND. Khoản vay này có lãi suất theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng số HD-1900-LAV-201200324 với hạn mức 20 tỷ VND hết hạn vào ngày 12 tháng 6 năm 2013, hợp đồng số HD-1900-LAV-2012 với hạn mức 5 tỷ VND hết hạn vào ngày 28 tháng 12 năm 2013. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Công viên Hoàng Gia.

(iv) Khoản vay không đảm bảo từ Công ty TNHH Cổ phần Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (Công ty mẹ) bằng USD với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 1 triệu USD có hiệu lực từ ngày 28 tháng 11 năm 2012 đến ngày 27 tháng 11 năm 2013. Lãi suất áp dụng cho từng khoản vay theo cách tính LIBOR 180 ngày cộng 3,25% lãi suất năm. Lãi và gốc được trả sau khi hết hạn hợp đồng.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	775.420	59.679
Thuế tiêu thụ đặc biệt	774.267	362.145
Thuế thu nhập doanh nghiệp	420.349	417.075
Thuế khác	75.530	19.733
	2.045.566	858.632

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	633.737	1.236.437
	633.737	1.236.437

Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton ngày 18 tháng 12 năm 2008 để xây dựng đầu tư khách sạn 13 tầng. Hạn mức cho vay là 100 tỷ VND, thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Gốc vay được trả trong 31 kỳ 3 tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Trong vòng một năm	603.353	753.793
Trong năm thứ hai	633.737	603.035
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	633.402
Sau năm năm	-	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 14)	(603.353)	(753.793)
Số phải trả sau 12 tháng	633.737	1.236.437

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD
Tại ngày 01/01/2011	39.749.040	5.027.169	498.615	3.379.138	48.653.962
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	1.577.159	-	-	(1.577.159)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.145.953	1.145.953
Trích lập các quỹ	-	-	93.414	(93.414)	-
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	(32.524)	(32.524)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(361)	(361)
Tại ngày 01/01/2012	41.326.199	5.027.169	592.029	2.821.633	49.767.030
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	983.671	-	-	(983.671)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	423.747	423.747
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	57.297	(57.297)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (ii)	-	-	-	(20.189)	(20.189)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(389)	(389)
Tại ngày 31/12/2012	42.309.870	5.027.169	649.326	2.183.834	50.170.199

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 080/NQ-ĐHCĐTN ngày 14 tháng 4 năm 2012 thông qua phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 3% tính theo vốn cổ phần tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 có giá trị bằng 20.495.989.500 VND tương đương với 2.049.598 cổ phần mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, số cổ phiếu lẻ được chi trả bằng tiền mặt. Ngày 26 tháng 6 năm 2012 là ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ phiếu thưởng của Công ty gửi lên Trung tâm lưu ký chứng khoán tại ngày này được Ban Giám đốc điều hành Công ty sử dụng để tăng vốn điều lệ.

(ii) Trích lập quỹ dự phòng tài chính và trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 080/NQ-ĐHCĐTN ngày 14 tháng 04 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Số cổ phiếu đang lưu hành**

	31/12/2012	31/12/2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	68.319.965
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	68.319.965
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	68.319.965
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	68.319.965
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

Vốn điều lệ

Tình hình góp vốn của các cổ đông trong Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư '000 VND	Vốn đã góp					
		31/12/2012			31/12/2011		
		USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530	2.875.859	47.219.530	7%	2.809.826	45.844.210	7%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52%	21.702.990	358.627.500	52%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	93.454.360	5.629.463	93.454.360	13%	5.498.775	90.732.390	13%
Các nhà đầu tư khác	193.627.330	11.585.002	193.627.330	28%	11.314.608	187.995.550	28%
Cộng	703.687.540	42.309.870	703.687.540	100%	41.326.199	683.199.650	100%

Trong năm 2011 đã có sự thay đổi trong cổ đông sáng lập. Tuy nhiên, đến ngày lập báo cáo tài chính này, việc điều chỉnh nội dung này trong Giấy chứng nhận đầu tư chưa hoàn thành nên danh sách cổ đông sáng lập vẫn trình bày theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 7 ngày 30 tháng 10 năm 2012.

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách
- Khu Biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng
- Khu Công viên Hoàng Gia: Bán vé vào cổng và các dịch vụ vui chơi trong công viên
- Khách sạn 13 tầng: Cho thuê phòng và dịch vụ liên quan

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	<u>Câu lạc bộ</u>	<u>Biệt thự</u>	<u>Công viên</u>	<u>Khách sạn 13 tầng</u>	<u>Bù trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Tài sản						
Tài sản bộ phận	15.589.190	10.539.787	10.287.046	35.196.553	(15.888.276)	55.724.300
Tài sản không phân bổ						6.355.754
Tổng tài sản hợp nhất						62.080.054
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	3.246.497	1.798.171	1.210.754	20.091.878	(15.888.276)	10.459.024
Nợ phải trả không phân bổ						1.450.831
Tổng nợ phải trả hợp nhất						11.909.855

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	<u>Câu lạc bộ</u>	<u>Biệt thự</u>	<u>Công viên</u>	<u>Khách sạn 13 tầng</u>	<u>Bù trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Doanh thu thuần	3.104.047	4.038.685	2.190.666	-	-	9.333.398
Giá vốn bộ phận	(2.772.510)	(1.561.853)	(683.773)	-	-	(5.018.136)
Lợi nhuận gộp	331.537	2.476.832	1.506.893	-	-	4.315.262
Chi phí không phân bổ						(2.906.840)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						1.408.422
Doanh thu hoạt động tài chính						92.890
(Lỗ) khác						(157.857)
Chi phí tài chính						(721.111)
Lợi nhuận trước thuế						622.344
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(274.802)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						76.205
Lợi nhuận trong năm						423.747
%/Tổng lợi nhuận gộp	8%	57%	35%	0%		100%

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Câu lạc bộ</u>	<u>Biệt thự</u>	<u>Công viên</u>	<u>Khách sạn 13 tầng</u>	<u>Bù trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Tài sản						
Tài sản bộ phận	18.957.831	9.829.373	8.838.922	32.773.836	(14.047.799)	56.352.163
Tài sản không phân bổ						5.107.833
Tổng tài sản hợp nhất						61.459.996
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	4.703.767	2.397.820	785.852	17.669.159	(14.047.799)	11.508.799
Nợ phải trả không phân bổ						184.167
Tổng nợ phải trả hợp nhất						11.692.966

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn 13 tầng	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
Doanh thu thuần	3.115.143	3.258.967	1.959.483	-	-	8.333.593
Giá vốn bộ phận	(2.280.296)	(1.274.639)	(603.133)	-	-	(4.158.068)
Lợi nhuận gộp	834.847	1.984.328	1.356.350	-	-	4.175.525
Chi phí không phân bổ						(2.492.878)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						1.682.647
Doanh thu hoạt động tài chính						974.444
(Lỗ) khác						(166.649)
Chi phí tài chính						(922.599)
Lợi nhuận trước thuế						1.567.843
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(417.075)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(4.815)
Lợi nhuận trong năm						1.145.953
%/Tổng lợi nhuận gộp	20%	48%	32%	0%		100%

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	USD	USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	934	1.753
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.022	424.617
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.401	477.990
Doanh thu hoạt động tài chính khác	67.533	70.084
	92.890	974.444

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	USD	USD
Lợi nhuận kế toán trước thuế	622.344	1.567.843
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ		
- Khoản thu nhập không chịu thuế	-	19.261
Cộng:		
- Thu nhập chịu thuế	213.749	-
- Chi phí không hợp lý cho mục đích tính thuế	172.045	119.721
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	91.072	-
Thu nhập chịu thuế	1.099.210	1.668.303
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	274.802	417.075
Thuế thu nhập hoãn lại	(76.205)	4.815
	198.597	421.890

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012	2011 (trình bày lại)
	USD	USD
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	423.747	1.145.953
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	423.747	1.145.953
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	42.309.870	42.309.870
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0,010	0,027

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, ngày 30 tháng 10 năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 7 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 703.687.540.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 70.368.754 cổ phần

Báo cáo tài chính này được trình bày bằng Đô la Mỹ, vì vậy để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu, Ban Giám đốc điều hành Công ty quyết định sử dụng mệnh giá cổ phần là 01 USD/cổ phần để tính số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và 31/12/2012.

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm 2011 như sau:

	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu USD
Theo báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	41.326.199	0,028
Số đã điều chỉnh lại	42.309.870	0,027

22. CÁC KHOẢN CAM KẾT***Cam kết vốn***

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện có tổng giá trị là 4.007.675 USD (31 tháng 12 năm 2011: 2.928.341 USD).

Cam kết đầu tư

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 080/NQ-ĐHCĐTN ngày 14 tháng 4 năm 2012 thông qua phương án nâng tổng mức đầu tư của Công ty từ 46.000.000 USD lên 67.000.000 USD.

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 06 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất, bãi cát, mặt biển cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, trừ đi tiền) và phần vốn của cổ đông (bao gồm vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Các khoản vay	5.555.351	7.678.855
Trừ: Tiền	194.663	1.530.393
Nợ thuần	5.360.688	6.148.462
Vốn chủ sở hữu	50.170.199	49.767.030
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,11	0,12

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền	194.663	1.530.393
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.404.159	2.530.438
Đầu tư dài hạn	419.411	419.411
Tổng cộng	4.018.233	4.480.242
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.555.351	7.678.855
Phải trả người bán và phải trả khác	3.764.920	2.293.873
Chi phí phải trả	41.093	232.524
Tổng cộng	9.361.364	10.205.252

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Giám đốc điều hành Công ty đánh giá chi phí để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro có thể vượt các chi phí tiềm tàng khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất của các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD	USD	USD
Đồng Việt Nam (VND)	608.878	375.586	7.711.549	7.250.598
Đô la Australia (AUD)	-	1.489	-	-
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	2.409	142	-	-
Bảng Anh (GBP)	-	61	-	-
Đô la Hồng Kông (HKD)	2.594	3.345	-	-
Nhân dân tệ (CNY)	7.911	12.452	-	-
Yên Nhật (JPY)	811	272	-	-
Won Hàn Quốc (KRW)	1.399	1.715	-	-
Đài tệ (TWD)	48	264	-	-
Đô la Singapore (SGD)	-	310	-	-
Bạt Thái (THB)	-	158	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty được xác định trong trường hợp tỷ giá đồng Đô la Mỹ thay đổi 10% so với đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đồng USD giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng 710.267 USD (2011: 687.501 USD).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

	Tăng/(giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lỗ trước thuế USD
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
USD	+200	111.107
USD	-200	(111.107)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
USD	+200	153.577
USD	-200	(153.577)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia như trình bày tại Thuyết minh số 4.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2012	Dưới 1 năm	Sau 5 năm	Tổng
	USD	USD	USD
Tiền	194.663	-	194.663
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.404.159	-	3.404.159
Đầu tư dài hạn	-	419.411	419.411
Tổng cộng	3.598.822	419.411	4.018.233

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	USD	USD	USD
Phải trả người bán và phải trả khác	3.645.595	119.325	3.764.920
Chi phí phải trả	41.093	-	41.093
Các khoản vay	5.470.406	888.532	6.358.938
Tổng cộng	9.157.094	1.007.857	10.164.951
Chênh lệch thanh khoản thuần	(5.558.272)	(588.446)	(6.146.718)

31/12/2011	Dưới 1 năm	Sau 5 năm	Tổng
	USD	USD	USD
Tiền	1.530.393	-	1.530.393
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.530.438	-	2.530.438
Đầu tư dài hạn	-	419.411	419.411
Tổng cộng	4.060.831	419.411	4.480.242

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	USD	USD	USD
Phải trả người bán và phải trả khác	2.171.544	122.329	2.293.873
Chi phí phải trả	232.524	-	232.524
Các khoản vay	7.098.970	1.527.037	8.626.007
Tổng cộng	9.503.038	1.649.366	11.152.404
Chênh lệch thanh khoản thuần	(5.442.207)	(1.229.955)	(6.672.162)

Ban Giám đốc điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012	2011
	USD	USD
Vốn vay nhận được từ Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	500.000	1.980.000
Chi phí lãi vay phát sinh với Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	33.372	74.849
Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	2.733	3.621
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn	-	420
Bán hàng cho ông Nguyễn Chính Nghĩa	-	7.055
Bán hàng cho bà Nguyễn Tiểu Mai	19.563	36.231
Bà Nguyễn Tiểu Mai thu hộ tiền từ Đài loan	-	733

Thu nhập của Ban Giám đốc điều hành được hưởng trong năm như sau:

	2012	2011
	USD	USD
Thu nhập của Ban Giám đốc điều hành	73.447	78.540

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Các khoản phải thu		
Ông Đỗ Trí Vỹ	228.545	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn	-	2.791
Bà Nguyễn Tiểu Mai	-	5.337
Các khoản phải trả		
Gốc vay phải trả Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	500.000	570.000
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	1.436	117.628
Các khoản phải trả khác cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	16.113	16.114

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 08 tháng 01 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng mới với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn 13 tầng. Hạn mức cho vay là 100 tỷ VND, thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Gốc vay được trả trong 31 kỳ 3 tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay.

Vào ngày 09/01/2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng mới với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 40 tỷ VND và đảm bảo tại mọi thời điểm tổng số dư dưới các hình thức cấp tín dụng (cho vay, bảo lãnh, mở L/C, hình thức cấp tín dụng khác) của Công ty tại ngân hàng không vượt quá giới hạn tín dụng là 168.892.000.000 VND. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng được gia hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.



Cao Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng



Dương Khánh Nam
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Các thông tin bổ sung trong Phụ lục báo cáo tài chính từ trang 31 đến trang 56 nhằm cung cấp thông tin sử dụng trong nội bộ (xem Báo cáo kiểm toán tại trang 3 và 4). Trong Phụ lục báo cáo tài chính này, các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng của các chỉ tiêu này được quy đổi từ Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 tương ứng là 20.828 VND/USD và 20.828 VND/USD.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		120.410.125.448	148.628.941.248
I. Tiền	110	5	4.054.440.964	31.875.025.404
1. Tiền	111		4.054.440.964	31.875.025.404
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.256.875.400	96.772.969.776
1. Phải thu khách hàng	131	6	74.894.946.984	54.472.322.348
2. Trả trước cho người bán	132		28.355.051.748	44.069.007.112
3. Các khoản phải thu khác	135		124.613.924	452.529.956
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.117.737.256)	(2.220.889.640)
III. Hàng tồn kho	140	7	16.492.568.488	18.669.094.488
1. Hàng tồn kho	141		17.828.622.204	19.336.590.232
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.336.053.716)	(667.495.744)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		606.240.596	1.311.851.580
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		527.719.036	987.747.072
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		78.521.560	324.104.508
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		1.172.593.239.264	1.131.459.855.440
I. Tài sản cố định	220		1.031.684.946.024	993.695.673.768
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	370.038.454.232	385.198.988.808
- Nguyên giá	222		548.959.180.464	540.971.538.324
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(178.920.726.232)	(155.772.549.516)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	43.819.216.908	49.243.619.572
- Nguyên giá	228		98.468.473.116	98.433.023.860
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.649.256.208)	(49.189.404.288)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	617.827.274.884	559.253.065.388
II. Bất động sản đầu tư	240	11	37.350.373.356	38.598.137.180
- Nguyên giá	241		43.722.262.568	43.722.262.568
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(6.371.889.212)	(5.124.125.388)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.735.492.308	8.735.492.308
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	8.735.492.308	8.735.492.308
IV. Tài sản dài hạn khác	260		94.822.427.576	90.430.552.184
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	92.679.997.012	89.875.319.360
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.142.430.564	555.232.824
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.293.003.364.712	1.280.088.796.688

Các thuyết minh từ trang 36 đến trang 56 là một bộ phận cấu thành của phụ lục báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		248.058.459.940	243.541.095.848
I. Nợ ngắn hạn	310		227.349.658.584	210.240.081.424
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	102.507.376.392	134.182.682.104
2. Phải trả người bán	312		60.361.689.284	34.471.506.368
3. Người mua trả tiền trước	313		90.435.176	140.130.784
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	42.605.048.648	17.883.587.296
5. Phải trả người lao động	315		5.247.614.600	7.850.343.964
6. Chi phí phải trả	316		855.885.004	4.843.009.872
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		15.681.609.480	10.868.821.036
II. Nợ dài hạn	330		20.708.801.356	33.301.014.424
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.485.301.100	2.547.868.412
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	13.199.474.236	25.752.509.836
3. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		4.451.964.172	4.070.311.900
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		572.061.848	930.324.276
B. NGUỒN VỐN (400= 410)	400		1.044.944.904.772	1.036.547.700.840
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.044.944.904.772	1.036.547.700.840
1. Vốn điều lệ	411		703.687.540.000	683.199.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.363.105.200	81.363.105.200
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		203.149.171.611	203.203.175.561
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.260.193.409	10.012.797.955
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45.484.894.552	58.768.972.124
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		1.293.003.364.712	1.280.088.796.688

Các thuyết minh từ trang 36 đến trang 56 là một bộ phận cấu thành của phụ lục báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		218.404.490.800	196.093.558.028
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		24.008.477.256	22.521.483.024
Chiết khấu bán hàng	05		1.940.419.792	1.090.387.456
Thuế tiêu thụ đặc biệt	08		22.068.057.464	21.431.095.568
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	194.396.013.544	173.572.075.004
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	104.517.736.608	86.604.240.304
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	18	89.878.276.936	86.967.834.700
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.934.712.920	20.295.719.632
7. Chi phí tài chính	22		15.019.299.908	19.215.891.972
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.472.898.156	15.602.129.832
8. Chi phí bán hàng	24		16.243.965.480	14.455.381.808
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		44.299.698.040	37.466.281.176
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		16.250.026.428	36.125.999.376
11. Thu nhập khác	31		1.903.929.136	3.475.110.144
12. Chi phí khác	32		5.191.774.732	6.946.075.516
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(3.287.845.596)	(3.470.965.372)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.962.180.832	32.655.034.004
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	5.723.576.056	8.686.838.100
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	20	(1.587.197.740)	100.286.820
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.825.802.516	23.867.909.084
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	125	339

Báo cáo này được quy đổi từ báo cáo bằng Đô la Mỹ theo tỷ giá liên ngân hàng ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 là 20.828 VND/USD và 20.828 VND/USD. Doanh thu và thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh thực tế bằng Đồng Việt Nam đã được ghi nhận trên sổ kế toán lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 218.320.691.490 VND và 22.067.906.281 VND; lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 194.403.577.331 VND và 21.236.243.231 VND.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.962.180.832	32.655.034.004
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	28.994.783.768	29.417.133.952
Các khoản dự phòng	03	2.565.405.588	(401.168.108)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	96.475.296	(7.494.560.068)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	19.619.976	1.045.482.288
Chi phí lãi vay	06	14.472.898.156	15.602.129.832
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	59.111.363.616	70.824.051.900
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.380.753.240)	37.039.536.284
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.507.968.028	4.788.711.276
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	26.295.204.204	(13.775.805.824)
Thay đổi chi phí trả trước	12	705.610.984	1.197.235.096
Tiền lãi vay đã trả	13	(23.044.599.072)	(24.254.768.356)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.659.696.580)	(10.675.266.432)
Tiền (chi) khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.218.167.236)	(481.001.832)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	53.316.930.704	64.662.692.112
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(36.507.068.464)	(70.483.701.552)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22	72.773.032	91.414.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(36.434.295.432)	(70.392.287.460)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	162.764.988.160	231.179.427.912
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(207.371.732.576)	(230.842.680.808)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(44.606.744.416)	336.747.104
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(27.724.109.144)	(5.392.848.244)
Tiền đầu năm	60	31.875.025.404	27.063.010.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(96.475.296)	10.204.863.628
Tiền cuối năm	70	4.054.440.964	31.875.025.404

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 52.851.508.216 VND (2011: 29.824.487.976 VND) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 28.188.719.340 VND (2011: 41.047.634.948 VND) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính trong năm không bao gồm giao dịch trả cổ tức bằng cổ phiếu với tổng số tiền là 20.487.890.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 04 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 06 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953/CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phiếu của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Ngày 28 tháng 01 năm 2008, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/GCNĐC3/22/1 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 410.319.760.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 41.031.976 cổ phần.

Ngày 01 tháng 7 năm 2008, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký lại số 221.032.000.118 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2005.

Ngày 30 tháng 10 năm 2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 1 số 221.032.000.118 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 514.381.130.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 51.438.113 cổ phần.

Ngày 30 tháng 6 năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 2 số 221.032.000.118 về thay đổi vốn của cổ đông sáng lập.

Ngày 22 tháng 9 năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 3 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 565.814.070.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 56.581.407 cổ phần.

Ngày 18 tháng 01 năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 4 số 221.032.000.118. Theo đó Đại diện Công ty là Ông Dương Khánh Nam, người Đại Loan, Chức vụ Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

Ngày 22 tháng 11 năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 5 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 650.673.890.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 65.067.389 cổ phần.

Ngày 13 tháng 3 năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 6 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 683.199.650.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 68.319.965 cổ phần.

Ngày 30 tháng 10 năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 7 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 703.687.540.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 70.368.754 cổ phần.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.171 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.006 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 355/TC-CĐKT ngày 13 tháng 11 năm 2000. Ban Giám đốc điều hành Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là khoảng 5 triệu USD, sự thiếu hụt vốn lưu động này dẫn đến sự nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc đạt được lợi nhuận từ hoạt động trong tương lai và việc chấp nhận giải ngân của các tổ chức tín dụng. Ban Giám đốc điều hành đã có kế hoạch dòng tiền cho năm tài chính 2013 và tháng 01 năm 2013 Công ty đã ký hợp đồng tín dụng trung hạn và dài hạn mới với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân hạn mức cho vay là 100 tỷ VND và hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn với mức cho vay là 40 tỷ VND. Do đó, Ban Giám đốc điều hành Công ty lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục của kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Để phục vụ cho việc báo cáo Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã lập phụ lục báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bằng Đồng Việt Nam (VND).

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc điều hành đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi (Tiếp theo)**

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên thời gian từ khi bắt đầu cho nợ, cụ thể như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng tại một thời điểm không vượt quá 9 triệu USD, các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
Hàng giải khát
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
Bình quân gia quyền
Giá đích danh
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được dùng trong hoạt động kinh doanh của Công ty, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất; 8 ha bãi cát bờ biển và 10,8 ha mặt nước tiếp giáp bờ biển tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 08 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 35 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm: Giá trị còn lại của các khoản chi phí trước hoạt động, giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ. Chi phí trước hoạt động là các khoản chi phí như: Chi phí thành lập, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trước khi dự án của Công ty đi vào hoạt động kinh doanh.

- Chi phí trước hoạt động: Công ty đã thực hiện chính sách phân bổ chi phí trước hoạt động theo hướng dẫn tại Công văn số 392/TC-TCĐN ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:
 - + Chi phí trước hoạt động của Công ty sẽ được phân bổ cho từng hạng mục công trình căn cứ trên cơ sở tỷ lệ vốn đầu tư của mỗi công trình trong tổng số vốn đầu tư của Công ty. Đối với những công trình chưa hoàn thành và chưa đưa vào sử dụng thì chưa phân bổ chi phí trước hoạt động tương ứng. Theo đó, Công ty chưa bắt đầu thực hiện phân bổ chi phí trước hoạt động liên quan đến hạng mục khách sạn 13 tầng vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm do tại thời điểm này công trình khách sạn chưa được hoàn thành.
 - + Chi phí trước hoạt động của các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng thì được tiếp tục phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian ba (03) năm kể từ khi bắt đầu đưa công trình vào sử dụng.
- Công cụ, dụng cụ liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh được phân bổ trong thời gian từ 2-3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.751.941.156	12.909.444.336
Tiền gửi ngân hàng	1.233.746.580	18.930.298.436
Tiền đang chuyển	68.753.228	35.282.632
	<u>4.054.440.964</u>	<u>31.875.025.404</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách chơi tại CLB Quốc tế Hoàng Gia (i)	63.607.316.524	48.024.119.344
Phải thu các hoạt động kinh doanh khác	11.287.630.460	6.448.203.004
	<u>74.894.946.984</u>	<u>54.472.322.348</u>

(i) Đây là các khoản nợ phải thu khách chơi tại câu lạc bộ, chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được trình bày tại Thuyết minh số 4.

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	13.489.066.748	15.098.300.512
Hàng hóa	4.339.555.456	4.238.289.720
	<u>17.828.622.204</u>	<u>19.336.590.232</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.336.053.716)	(667.495.744)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>16.492.568.488</u>	<u>18.669.094.488</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	404.096.191.552	99.791.426.020	13.505.333.416	13.871.302.204	9.707.285.132	540.971.538.324
Tại ngày 31/12/2012	411.608.976.120	100.893.622.952	12.836.004.808	13.913.291.452	9.707.285.132	548.959.180.464
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	78.412.733.700	49.628.458.528	9.308.491.416	12.110.586.396	6.312.279.476	155.772.549.516
Tại ngày 31/12/2012	89.976.376.816	58.921.641.364	9.954.138.588	12.520.814.684	7.547.754.780	178.920.726.232
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	321.632.599.304	41.971.981.588	2.881.866.220	1.392.476.768	2.159.530.352	370.038.454.232
Tại ngày 31/12/2011	325.683.457.852	50.162.967.492	4.196.842.000	1.760.715.808	3.395.005.656	385.198.988.808

Trong số nhà cửa và máy móc, thiết bị có một số nhà cửa và máy móc, thiết bị tạm thời không sử dụng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 7.552.691.016 VND (31 tháng 12 năm 2011: 3.222.737.268 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2012 là 285.817.791.076 VND (31 tháng 12 năm 2011: 247.436.306.752 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và thiết bị văn phòng bao gồm các phương tiện, thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 26.643.385.880 VND (31 tháng 12 năm 2011: 23.632.760.964 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	96.850.200.000	1.582.823.860	98.433.023.860
Tại ngày 31/12/2012	96.850.200.000	1.618.273.116	98.468.473.116
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	48.367.781.344	821.622.944	49.189.404.288
Tại ngày 31/12/2012	53.609.126.716	1.040.129.492	54.649.256.208
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	43.241.073.284	578.143.624	43.819.216.908
Tại ngày 31/12/2011	48.482.418.656	761.200.916	49.243.619.572

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Văn phòng hậu cần	-	-
Cầu lạc bộ	2.033.833.372	2.058.889.456
Khách sạn 13 tầng (i)	594.756.390.876	536.157.125.296
Khu công viên	21.037.050.636	21.037.050.636
	<u>617.827.274.884</u>	<u>559.253.065.388</u>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp ngân hàng công trình xây dựng dở dang này với giá trị tại ngày 31/12/2012 là 280.465.994.820 VND. Chi phí lãi vay vốn hóa vào công trình khách sạn 13 tầng trong năm là 5.960.369.588 VND (2011: 9.879.761.800 VND).

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Bất động sản đầu tư</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2012	43.722.262.568	43.722.262.568
Tại ngày 31/12/2012	43.722.262.568	43.722.262.568
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2012	5.124.125.388	5.124.125.388
Tại ngày 31/12/2012	6.371.889.212	6.371.889.212
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2012	37.350.373.356	37.350.373.356
Tại ngày 31/12/2011	38.598.137.180	38.598.137.180

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do chưa có nguồn thông tin tin cậy nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác là giá trị khoản tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, tương ứng với 5% vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày lập báo cáo tài chính, không có giá thị trường tin cậy để xem xét trích lập dự phòng giảm giá. Tuy nhiên, Ban Giám đốc điều hành tin tưởng rằng không có khoản giảm giá trị đáng kể nào ảnh hưởng tới khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.428.675.832	2.505.754.196
Công cụ, dụng cụ	3.565.295.384	3.089.750.488
Chi phí trước hoạt động - khách sạn 13 tầng (i)	87.686.025.796	84.279.814.676
	<u>92.679.997.012</u>	<u>89.875.319.360</u>

- (i) Như được trình bày tại Thuyết minh số 4, chi phí trước hoạt động phát sinh trong quá trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn để vốn hóa vào giá trị xây dựng của khách sạn 13 tầng. Chi phí trước hoạt động này sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi khách sạn này được hoàn thành và đưa vào hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khách sạn này chưa được đưa vào hoạt động.

14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	29.829.236.760	29.172.634.060
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	30.012.002.460	29.980.218.932
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	-	2.479.302.636
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (iii)	19.685.500.888	19.984.965.872
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (iv)	10.414.000.000	11.871.960.000
Ngân hàng Thương Hải	-	24.993.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	12.566.636.284	15.700.000.604
	<u>102.507.376.392</u>	<u>134.182.682.104</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 40 tỷ VND và đảm bảo tại mọi thời điểm tổng số dư dưới các hình thức cấp tín dụng (cho vay, bảo lãnh, mở L/C, hình thức cấp tín dụng khác) của Công ty tại ngân hàng không vượt quá giới hạn tín dụng là 168.892.000.000 VND. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng được gia hạn đến ngày 30 tháng 06 năm 2013. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 16 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 30 tỷ VND. Khoản vay này có lãi suất áp dụng theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ cho từng giấy nhận nợ và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng hết hạn vào ngày 05 tháng 11 năm 2013. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng là 25 tỷ VND. Khoản vay này có lãi suất theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng số HD-1900-LAV-201200324 với hạn mức 20 tỷ VND hết hạn vào ngày 12 tháng 6 năm 2013, hợp đồng số HD-1900-LAV-2012 với hạn mức 5 tỷ VND hết hạn vào ngày 28 tháng 12 năm 2013. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Công viên Hoàng Gia.

(iv) Khoản vay không đảm bảo từ Công ty TNHH Cổ phần Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (Công ty mẹ) bằng USD với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 1 triệu USD có hiệu lực từ ngày 28 tháng 11 năm 2012 đến ngày 27 tháng 11 năm 2013. Lãi suất áp dụng cho từng khoản vay theo cách tính LIBOR 180 ngày cộng 3,25% lãi suất năm. Lãi và gốc được trả sau khi hết hạn hợp đồng.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	16.150.447.760	1.242.994.212
Thuế tiêu thụ đặc biệt	16.126.433.076	7.542.756.060
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.755.028.972	8.686.838.100
Thuế khác	1.573.138.840	410.998.924
	<u>42.605.048.648</u>	<u>17.883.587.296</u>

16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	13.199.474.236	25.752.509.836
	<u>13.199.474.236</u>	<u>25.752.509.836</u>

Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton ngày 18 tháng 12 năm 2008 để xây dựng đầu tư khách sạn 13 tầng. Hạn mức cho vay là 100 tỷ VND, thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Gốc vay được trả trong 31 kỳ 3 tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	12.566.636.284	15.700.000.604
Trong năm thứ hai	13.199.474.236	12.560.012.980
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	13.192.496.856
Sau năm năm	-	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 14)	(12.566.636.284)	(15.700.000.604)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>13.199.474.236</u>	<u>25.752.509.836</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Phụ lục Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	683.199.650.000	81.363.105.200	10.012.797.955	58.768.972.124	203.203.175.561	1.036.547.700.840
Tại ngày 31/12/2012	703.687.540.000	81.363.105.200	11.260.193.409	45.484.894.552	203.149.171.611	1.044.944.904.772

Số cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2012	31/12/2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	68.319.965
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	68.319.965
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	68.319.965
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	68.319.965
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

Vốn điều lệ

Tình hình góp vốn của các cổ đông trong Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư	Vốn đã góp					
		31/12/2012			31/12/2011		
		'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ	USD	'000 VND quy đổi
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530	2.875.859	47.219.530	7%	2.809.826	45.844.210	7%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52%	21.702.990	358.627.500	52%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	93.454.360	5.629.463	93.454.360	13%	5.498.775	90.732.390	13%
Các nhà đầu tư khác	193.627.330	11.585.002	193.627.330	28%	11.314.608	187.995.550	28%
Cộng	703.687.540	42.309.870	703.687.540	100%	41.326.199	683.199.650	100%

Trong năm 2011 đã có sự thay đổi trong cổ đông sáng lập. Tuy nhiên, đến ngày lập báo cáo tài chính này, việc điều chỉnh nội dung này trong Giấy chứng nhận đầu tư chưa hoàn thành nên danh sách cổ đông sáng lập vẫn trình bày theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 7 ngày 30 tháng 10 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của công ty được chia thành 4 bộ phận với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách
- Khu Biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng
- Khu Công viên Hoàng Gia: Bán vé vào cổng và các dịch vụ vui chơi trong công viên
- Khách sạn 13 tầng: Cho thuê phòng và dịch vụ liên quan

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn 13 tầng	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	324.691.649.320	219.522.683.636	214.258.594.088	733.073.805.884	(330.921.012.528)	1.160.625.720.400
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	132.377.644.312
Tổng tài sản hợp nhất						1.293.003.364.712
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	67.618.039.516	37.452.305.588	25.217.584.312	418.473.634.984	(330.921.012.528)	217.840.551.872
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	30.217.908.068
Tổng nợ phải trả hợp nhất						248.058.459.940

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn 13 tầng	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	64.651.090.916	84.117.731.180	45.627.191.448	-	-	194.396.013.544
Giá vốn bộ phận	(57.745.838.280)	(32.530.274.284)	(14.241.624.044)	-	-	(104.517.736.608)
Lợi nhuận gộp	6.905.252.636	51.587.456.896	31.385.567.404	-	-	89.878.276.936
Chi phí không phân bổ						(60.543.663.520)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						29.334.613.416
Doanh thu hoạt động tài chính						1.934.712.920
(Lỗ) khác						(3.287.845.596)
Chi phí tài chính						(15.019.299.908)
Lợi nhuận trước thuế						12.962.180.832
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(5.723.576.056)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						1.587.197.740
Lợi nhuận trong năm						8.825.802.516
%/Tổng lợi nhuận gộp	8%	57%	35%	0%		100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Cấu trúc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn 13 tầng	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	394.853.704.068	204.726.180.844	184.097.067.416	682.613.456.208	(292.587.557.572)	1.173.702.850.964
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	106.385.945.724
Tổng tài sản hợp nhất						1.280.088.796.688
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	97.970.059.076	49.941.794.960	16.367.725.456	368.013.243.652	(292.587.557.572)	239.705.265.572
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	3.835.830.276
Tổng nợ phải trả hợp nhất						243.541.095.848

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

	Cấu trúc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn 13 tầng	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	64.882.198.404	67.877.764.676	40.812.111.924	-	-	173.572.075.004
Giá vốn bộ phận	(47.494.005.088)	(26.548.181.092)	(12.562.054.124)	-	-	(86.604.240.304)
Lợi nhuận gộp	17.388.193.316	41.329.583.584	28.250.057.800	-	-	86.967.834.700
Chi phí không phân bổ						(51.921.662.984)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						35.046.171.716
Doanh thu hoạt động tài chính						20.295.719.632
(Lỗ) khác						(3.470.965.372)
Chi phí tài chính						(19.215.891.972)
Lợi nhuận trước thuế						32.655.034.004
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(8.686.838.100)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(100.286.820)
Lợi nhuận trong năm						23.867.909.084
%/Tổng lợi nhuận gộp	20%	48%	32%	0%		100%

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.453.352	36.511.484
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	208.738.216	8.843.922.876
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	299.944.028	9.955.575.720
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.406.577.324	1.459.709.552
	1.934.712.920	20.295.719.632

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.962.180.832	32.655.034.004
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ		
- Khoản thu nhập không chịu thuế	-	401.168.108
Cộng:		
- Thu nhập chịu thuế	4.451.964.172	-
Chi phí không hợp lý cho mục đích tính thuế	3.583.353.260	2.493.548.988
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.896.847.616	-
Thu nhập chịu thuế	22.894.345.880	34.747.414.884
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.723.576.056	8.686.838.100
Thuế thu nhập hoãn lại	(1.587.197.740)	100.286.820
	<u>4.136.378.316</u>	<u>8.787.124.920</u>

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012	2011
	VND	(trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.825.802.516	23.867.909.084
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.825.802.516	23.867.909.084
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>125</u>	<u>339</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, ngày 30 tháng 10 năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 7 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 703.687.540.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 70.368.754 cổ phần

Phụ lục Báo cáo tài chính này được trình bày bằng Việt Nam đồng; vì vậy, để tính chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu, Ban Giám đốc điều hành Công ty quyết định sử dụng mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần để tính số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và 31/12/2012.

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia đã thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm 2011 như sau:

	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
	Cổ phiếu	VND
Theo báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	68.319.965	518
Số đã điều chỉnh lại	70.368.754	339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÁC KHOẢN CAM KẾT*****Cam kết vốn***

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt cho công ty đã ký nhưng chưa thực hiện có giá trị 83.471.854.900 VND (tại 31 tháng 12 năm 2011: 60.991.486.348 VND).

Cam kết đầu tư

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 080/NQ-ĐHCĐTN ngày 14 tháng 04 năm 2012 thông qua phương án nâng tổng mức đầu tư của Công ty từ 46.000.000 USD lên 67.000.000 USD.

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 06 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất, bãi cát, mặt biển cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 08 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Quản lý rủi ro vốn***

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 16, trừ đi tiền) và phần vốn của cổ đông (bao gồm vốn góp của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	115.706.850.628	159.935.191.940
Trừ: Tiền	4.054.440.964	31.875.025.404
Nợ thuần	111.652.409.664	128.060.166.536
Vốn chủ sở hữu	1.044.944.904.772	1.036.547.700.840
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,11</u>	<u>0,12</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	4.054.440.964	31.875.025.404
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.901.823.652	52.703.962.664
Đầu tư dài hạn	8.735.492.308	8.735.492.308
Tổng cộng	83.691.756.924	93.314.480.376
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	115.706.850.628	159.935.191.940
Phải trả người bán và phải trả khác	78.415.753.760	47.776.786.844
Chi phí phải trả	855.885.004	4.843.009.872
Tổng cộng	194.978.489.392	212.554.988.656

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Giám đốc điều hành Công ty đánh giá chi phí để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro có thể vượt các chi phí tiềm tàng khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất của các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

Phụ lục Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đồng Việt Nam (VND)	12.681.710.984	7.822.705.208	160.616.142.572	151.015.455.144
Đô la Australia (AUD)	-	31.012.892	-	-
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	50.174.652	2.957.576	-	-
Bảng Anh (GBP)	-	1.270.508	-	-
Đô la Hồng Kông (HKD)	54.027.832	69.669.660	-	-
Nhân dân Tệ (CNY)	164.770.308	259.350.256	-	-
Yên Nhật (JPY)	16.891.508	5.665.216	-	-
Won Hàn Quốc (KRW)	29.138.372	35.720.020	-	-
Đài Tệ (TWD)	999.744	5.498.592	-	-
Đô la Singapore (SGD)	-	6.456.680	-	-
Bạt Thái (THB)	-	3.290.824	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty được tính trong trường hợp tỷ giá đồng Đô la Mỹ thay đổi 10% so với đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các sổ dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đồng USD giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng 14.793.441.076 VND (2011: 14.319.270.828 VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp..

	Tăng/(giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lỗ trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	2.314.137.013
VND	-200	(2.314.137.013)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	+200	3.198.703.839
VND	-200	(3.198.703.839)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu khách chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia như trình bày tại Thuyết minh số 4.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	4.054.440.964	-	4.054.440.964
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.901.823.652	-	70.901.823.652
Đầu tư dài hạn	-	8.735.492.308	8.735.492.308
Tổng cộng	74.956.264.616	8.735.492.308	83.691.756.924

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	75.930.452.660	2.485.301.100	78.415.753.760
Chi phí phải trả	855.885.004	-	855.885.004
Các khoản vay	113.937.616.168	18.506.344.496	132.443.960.664
Tổng cộng	190.723.953.832	20.991.645.596	211.715.599.428
Chênh lệch thanh khoản thuần	(115.767.689.216)	(12.256.153.288)	(128.023.842.504)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	31.875.025.404	-	31.875.025.404
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.703.962.664	-	52.703.962.664
Đầu tư dài hạn	-	8.735.492.308	8.735.492.308
Tổng cộng	84.578.988.068	8.735.492.308	93.314.480.376

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	45.228.918.432	2.547.868.412	47.776.786.844
Chi phí phải trả	4.843.009.872	-	4.843.009.872
Các khoản vay	147.857.347.160	31.805.126.636	179.662.473.796
Tổng cộng	197.929.275.464	34.352.995.048	232.282.270.512

Chênh lệch thanh khoản thuần	(113.350.287.396)	(25.617.502.740)	(138.967.790.136)
-------------------------------------	--------------------------	-------------------------	--------------------------

Ban Giám đốc điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Vốn vay nhận được từ Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	10.414.000.000	41.239.440.000
Chi phí lãi vay phát sinh với Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	695.072.016	1.558.954.972
Bán hàng cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	56.922.924	75.418.188
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn	-	8.747.760
Bán hàng cho ông Nguyễn Chính Nghĩa	-	146.941.540
Bán hàng cho bà Nguyễn Tiểu Mai	407.458.164	754.619.268
Bà Nguyễn Tiểu Mai thu hộ tiền từ Đài loan	-	15.266.924

Thu nhập của Ban Giám đốc điều hành được hưởng trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc điều hành	1.529.754.116	1.635.831.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Ông Đỗ Trí Vỹ	4.760.135.260	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn	-	58.130.948
Bà Nguyễn Tiểu Mai	-	111.159.036
Các khoản phải trả		
Gốc vay phải trả Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế	10.414.000.000	11.871.960.000
Khải Tiếp		
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế	29.909.008	2.449.955.984
Khải Tiếp		
Các khoản phải trả khác cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiếp	335.601.564	335.622.392

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 08 tháng 01 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng mới với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn 13 tầng. Hạn mức cho vay là 100 tỷ VND, thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Gốc vay được trả trong 31 kỳ 3 tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay.

Vào ngày 09/01/2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng mới với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 40 tỷ VND và đảm bảo tại mọi thời điểm tổng số dư dưới các hình thức cấp tín dụng (cho vay, bảo lãnh, mở L/C, hình thức cấp tín dụng khác) của Công ty tại ngân hàng không vượt quá giới hạn tín dụng là 168.892.000.000 VND. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng, hợp đồng được gia hạn đến ngày 30 tháng 06 năm 2013. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.